

PHỤ LỤC I

MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN¹

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT TRƯỜNG THCS LÊ HỒNG PHONG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **Năm: 2024 (Năm học 2024-2025)**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG THCS LÊ HỒNG PHONG, PHAN THIẾT

2. Địa chỉ hoạt động

- Trụ sở chính: 06-Nguyễn Minh Châu, Mũi Né, Phan Thiết

- Cơ sở phụ (nếu có):.....

- Điện thoại: 0252.3848209

- Địa chỉ thư điện tử: c2lehongphong.binhthuan@moet.edu.vn

- Cổng hoặc trang thông tin điện tử: <http://thcslehongphong.smebtpn.vnptweb.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục

Cơ sở giáo dục công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

.....

6. Thông tin về người đại diện hợp pháp

- Hiệu trưởng: Phạm Minh Sơn

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: 06-Nguyễn Minh Châu, Mũi Né, Phan Thiết

- Số điện thoại: 0945766134

- Địa chỉ thư điện tử: minhsonlhp@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy: Trường có các quyết định và quy chế, cụ thể:

7.1. Quyết định thành lập trường

7.2. Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường và danh sách các thành viên.

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

7.4. Quy chế và tổ chức hoạt động của nhà trường; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của trường; sơ đồ tổ chức bộ máy.

7.5. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị trực thuộc (nếu có). **Không có**

7.6. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ trách nhiệm của lãnh đạo trường và lãnh đạo thành viên của trường

* Phó hiệu trưởng

7.6.1. Họ và tên: Nguyễn Thị Đức Ngân

- Chức vụ: Phó Hiệu trưởng CM

- Địa chỉ nơi làm việc: 06-Nguyễn Minh Châu, Mũi Né, Phan Thiết

- Số điện thoại: 0828668285

- Địa chỉ thư điện tử:

- Nhiệm vụ, trách nhiệm: Phụ trách công tác chuyên môn

7.6.2. Họ và tên: Cao Hoài Thanh

- Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: 06-Nguyễn Minh Châu, Mũi Né, Phan Thiết

- Số điện thoại: 0332005972

- Địa chỉ thư điện tử: caothanhlhp@gmail.com

- Nhiệm vụ, trách nhiệm: Phụ trách công tác hành chính, quản trị

8. Các văn bản khác của nhà trường đã xây dựng và thực hiện:

- Chiến lược phát triển giáo dục của đơn vị

- Quy chế dân chủ trong nhà trường.

- Nghị quyết của Hội đồng trường.

- Quy định về quản lý tài chính, tài sản.

- Kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo.

- Quy chế chi tiêu nội bộ.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Viên chức quản lý - Giáo viên - Nhân viên																									
Viên chức quản lý								Giáo viên								Nhân viên									
S	Trình độ			Chuẩn nghề				Bồi		S	Trình độ			Chuẩn nghề				Bồi		S	Trình độ			Bồi	
L	đào tạo			nghiệp				dưỡng		L	đào tạo			nghiệp				dưỡng		L	đào tạo			dưỡng	
					T		T							T		T									
	Đ	C	T		i	C	i	H	Ch.		Đ	C	T	Đ	i	C	i	H	Ch.		Đ	C	T	H	Ch.
	H	Đ	C	Đ	l	Đ	l	T	HT		H	Đ	C	Đ	l	Đ	l	T	HT		H	Đ	C	T	HT
3	2	1	0							68	60	8								4		2	2		

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối chiếu yêu cầu tối thiểu theo quy định

TT	Địa điểm	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Đối chiếu yêu cầu tối thiểu
1	Trụ sở chính	8.296		
2	Cơ sở...			
3				
	...			

Tổng cộng			
------------------	--	--	--

2. Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng ...

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân/hs	Đối chiếu với yêu cầu tối thiểu theo quy định
I	Loại phòng học		-	
1	Phòng học kiên cố	24		
2	Phòng học bán kiên cố			
II	Tổng diện tích các phòng			
1	Diện tích phòng học (m ²)	56m ²		
2	Diện tích thư viện (m ²)	88m ²		
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)			
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	88m ²		
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)			
6	Diện tích phòng tin học (m ²)	60m ²		
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	30m ²		
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)			
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động đội	56m ²		
	Các phòng khác:			
10	Phòng Y tế	1		
11	Phòng họp Hội đồng sư phạm	1		
12	Phòng Hiệu trưởng	1		
13	Phòng Phó Hiệu trưởng 1	1		
14	Phòng Phó Hiệu trưởng 2	1		
15	Văn phòng trường	1		
16	Phòng giáo viên	1		
17	Kho	1		
18	Phòng Bảo vệ	1		

3. Thiết bị, sách giáo khoa

VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu	Số lượng	Đối chiếu với yêu cầu tối thiểu theo quy định
1	Số lượng các thiết bị hiện có		
2	Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường đã được phê duyệt		
2.1			
2.2			
1.3			

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm

.....

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận kiểm định chất lượng giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt):.....

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng:.....

- Mức độ đạt kiểm định:

- Thời gian hiệu lực: từ ngày...tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động của năm học đơn vị đã xây dựng và thực hiện

- Kế hoạch tuyển sinh hằng năm (theo Kế hoạch tuyển sinh của UBND thành phố Phan Thiết).

- Kế hoạch giáo dục năm học của đơn vị.

- Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc giáo dục học sinh (Quy chế ban hành theo Quyết định số).

- Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh trong nhà trường.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

2.1. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân trên lớp theo từng khối lớp 6,7,8,9.

Tổng số		Chia ra												HS học 02 b/ngày
		lớp 6			lớp 7			lớp 8			lớp 9			
Lớp	Học sinh	Lớp	HS	bq HS/l	Lớp	HS	bq HS/l	Lớp	HS	bq HS/l	Lớp	HS	bq HS/l	
38	1606	12	512	42,7	10	437	43,7	7	285	40,7	9	372	41,3	0

Tổng số học sinh	Chia ra									
	Giới tính		HS dân tộc		HS khuyết tật		HS chuyển đi		HS chuyển đến	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh
1606	803	803	11	10	0	0		4		4

2.2. Kết quả đánh giá học sinh theo quy định (Thông tư 22).

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1606	512	437	285	372
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	923 57.5	307 59.96	190 43.48	170 59.65	256 68.82
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	606 37.7	184 35.94	204 46.68	114 40	104 27.96
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	77 4.79	21 4.10	43 9.84	1 0.35	12 3.23
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1606	512	437	285	372
1	Xuất sắc (Giỏi) (tỷ lệ so với tổng số)	433 26.9	129 25.20	116 26.54	103 36.14	85 22.85
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	617 38.4	201 39.26	164 37.53	82 28.77	170 45.70
3	Đạt (Trung bình) (tỷ lệ so với tổng số)	530 33	176 34.38	141 32.27	96 33.68	117 31.45
4	Chưa đạt (Yếu) (tỷ lệ so với tổng số)	26 1.61	6 1.17	16 3.66	4 1.40	0
5	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1606	512	437	285	372
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1580 98.4	506 98.8	421 96.3	281 98.6	372 100
a	Học sinh giỏi (HSXS) (tỷ lệ so với tổng số)	232 14.44	48 9.37	53 12.12	46 16.14	85 22.85
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	361 22.48	79 15.43	59 13.50	53 18.59	170 45.69
2	Kiểm tra lại (tỷ lệ so với tổng số)	26 1.62	6 1.17	16 3.66	4 1.40	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	4 0.25	3 0.58	1 0.23	0	0
4	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	4 0.25	2 0.39	0	2 0.70	0
	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	4 0.25	2 0.39	1 0.23	1 0.35	0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	2 0.12	0	0	0	2 0.54
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện (thành phố)					
1	Cấp tỉnh/thành phố					
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					
VI	Số học sinh được công nhận tốt					372

	nghiệp					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					85 22.8
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					170 4.57
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					117 3.14

3. Công khai việc thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai nội dung: (Nếu có)

Số lượng trẻ đang học (chia ra số trẻ em là người Việt Nam, số trẻ em là người nước ngoài):.....

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các khoản thu phân theo: (so sánh với số liệu năm trước)

- Nguồn kinh phí ngân sách cấp: 9.624.046.000
- Nguồn kinh phí thu học phí: 1.342.630.000
- Nguồn thu khác:

2. Các khoản chi phân theo:

- Chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương: 10.303.198.658
- Chi CSVS (mua sắm, sửa chữa,...): 44.561.000.
- Chi hỗ trợ người học:
- Chi khác:

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học: 16.920.000

4. Số dư các quỹ theo quy định (Nếu có): 488.916.342

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

.....

HIỆU TRƯỞNG

